Biểu mẫu 05

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12
TRƯỜNG CHUYÊN BIỆT ÁNH DƯƠNG QUẬN 12

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	- Trẻ em khuyết tật có thể vào học lớp 1 ở độ tuổi từ 6 đến 9 tuổi. - HS Khuyết tật được tuyển vào trường theo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Đang học tại trường 103 học sinh; Tuyển sinh thêm: 50 học sinh - Tổng cộng là: 153 học sinh/15 lớp - Hồ sơ tuyển sinh gồm có: 1. Đơn xin vào lớp (theo mẫu của trường) 2. Bản sao giấy khai sinh hợp lệ. 3. Giấy chứng nhận khuyết tật	Hoàn thành chương trình lớp 1B KT 1CKTTT	Hoàn thành chương trình lớp 2	Hoàn thành chương trình lớp 3	Hoàn thành chương trình lớp 4
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ	- 35 tuần theo Chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo.				
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình: Thực hiện theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 Thông tư ban hành Điều lệ Ban Đại diện cha mẹ học sinh. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh: Thực hiện theo Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22/9/2016; Thông tư 30/TT27/2020-BGD ngày 04/09/2020 của Bộ Trưởng BGD về đánh giá học sinh tiểu học và Nội quy trường, lớp.				
	Điều kiện cơ sở					

IV	vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ học sinh (như các loại phòng phục vụ học tập, thiết bị dạy học, tin học ...)	- Đảm bảo đúng quy định. - Phòng học văn hóa: 24 - Phòng Thư viện: 01 - Phòng Hành chánh: 01 - Phòng Hiệu trưởng: 01 - Phòng phó HT: 02 - Phòng Y tế: 01 - Phòng Bảo vệ: 1 - Các phòng chức năng: GD nghệ thuật: 01 GD Thể chất: 01 GD Kỹ năng sống: 01 Phòng Tâm vận động: 01 Phòng May: 01 Phòng vi tính: 01
V	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Học bổng Khuyến học, học bổng Nguyễn Đức Cảnh - Quà tặng: sách, vở, quần áo, dụng cụ học tập,...
VI	Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục	- Cán bộ quản lý: 2 - Giáo viên chủ nhiệm: 22/22 lớp - Giáo viên Thể dục: 02 - Giáo viên Mĩ thuật: 01
VII	Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Dự kiến kết quả đạo đức của học sinh đạt được: 100% - Dự kiến kết quả học tập của học sinh hoàn thành được: 70% - Dự kiến kết quả sức khỏe của học sinh đạt được: 100%
VIII	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Đáp ứng theo khả năng ngày càng tiến bộ

Ngày 10 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12 T.P HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CHUYÊN BIỆT ÁNH DƯƠNG QUẬN 12

Lê Thị Hồng Hoa

Biểu mẫu 06

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12
TRƯỜNG CHUYÊN BIỆT ÁNH DƯƠNG QUẬN 12

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	**Tổng số học sinh**	**225**	**153**	**24**	**19**	**22**	**8**
II	**Số học sinh học 2 buổi/ngày**	**225**	**153**	**24**	**9**	**22**	**8**
III	**Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất**	**225**	**153**	**24**	**9**	**22**	**8**
1	*Tốt* *(tỷ lệ so với tổng số)*	50	30	5	4	6	5
2	*Đạt* *(tỷ lệ so với tổng số)*	122	80	12	12	15	3
3	*Cần cố gắng* *(tỷ lệ so với tổng số)*	53	43	8	3	1	0
IV	**Số học sinh chia theo kết quả học tập**	**225**	**153**	**24**	**19**	**22**	**8**
1	*Hoàn thành tốt* *(tỷ lệ so với tổng số)*	50	30	5	4	6	5
2	*Hoàn thành* *(tỷ lệ so với tổng số)*	122	80	12	12	21	3
3	*Chưa hoàn thành* *(tỷ lệ so với tổng số)*	53	43	8	3	1	0
V	**Tổng hợp kết quả cuối năm**	**225**	**153**	**24**	**9**	**22**	**8**
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	172	110	17	16		8
a	*Trong đó:* *HS được khen thưởng cấp*	50	30	5	4	6	5

	trường (tỷ lệ so với tổng số)						
b	*HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)*					1	1
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	53	43	7	3	1	0

Quận 12, ngày 10 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

Lê Thị Hồng Hoa

Biểu mẫu 07

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12
TRƯỜNG CHUYÊN BIỆT ÁNH DƯƠNG QUẬN 12

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Số phòng học/số lớp**	24	Số m^2/học sinh
II	**Loại phòng học**		-
1	Phòng học kiên cố	25	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ, mượn		-
III	**Số điểm trường lẻ**		-
IV	**Tổng diện tích đất** (m^2)		2479.0 m^2
V	**Diện tích sân chơi, bãi tập** (m^2)		1000.0m^2
VI	**Tổng diện tích các phòng**		
1	Diện tích phòng học (m^2)	24	684 m^2
2	Diện tích thư viện (m^2)	1	36 m^2
3	*Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m^2)*	1	36 m^2
4	*Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m^2)*	1	36 m^2
5	*Diện tích phòng ngoại ngữ (m^2)*		
6	*Diện tích phòng học tin học (m^2)*	1	
7	*Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m^2)*		
8	*Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m^2)*	1	
9	*Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m^2)*	1	
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp

1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	15	11/11
1.2	Khối lớp 2	02	7/7
1.3	Khối lớp 3	02	6/6
1.4	Khối lớp 4	02	7/7
1.5	Khối lớp 5	1	6/6
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
2.1	Khối lớp 1		
2.2	Khối lớp 2		
2.3	Khối lớp 3		
2.4	Khối lớp 4		
2.5	Khối lớp 5		
VIII	**Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ)	25	
IX	**Tổng số thiết bị dùng chung khác**		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	24	24/24
2	Cát xét		
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	02	
5	Thiết bị khác...		
6	.....		

	Nội dung	Số lượng (m^2)
X	**Nhà bếp**	1(36 $m^{2)}$
XI	**Nhà ăn**	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m^2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	**Phòng nghỉ cho học sinh**	24 (684 m^2)	225	

	bán trú			
XIII	**Khu nội trú**			

XIV	**Nhà vệ sinh**	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*			8		48 m^2
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

*(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).*

		Có	Không
XV	**Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh**	x	
XVI	**Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)**	x	
XVII	**Kết nối internet**	x	
XVIII	**Trang thông tin điện tử (website) của trường**	x	
XIX	**Tường rào xây**	x	

Quận 12, ngày 10 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN Q.12 T.P HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CHUYÊN BIỆT ÁNH DƯƠNG QUẬN 12

Lê Thị Hồng Hoa

Biểu mẫu 08

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12
TRƯỜNG CHUYÊN BIỆT ÁNH DƯƠNG QUẬN 12

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
Năm học 2023 – 2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	37		1	28	2	2	4	15	7	10				
I	**Giáo viên**	26		1	23	2			11	7	8				
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:	26		1	23	2			11	7	8				
1	Tiếng dân tộc														
2	Ngoại ngữ														
3	Tin học														
4	Âm nhạc														
5	Mỹ thuật														
6	Thể dục	2			2				2						
II	**Cán bộ quản lý**	02			2						2				
1	Hiệu trưởng	1			1						1				
2	Phó hiệu trưởng	1			1						1				
III	**Nhân viên**	**8**			**2**		**2**		**4**						
1	Nhân viên văn thư	1					1		1						

2	Nhân viên kế toán	1			1				1						
3	Thủ quỹ	1			1				1						
4	Nhân viên y tế	1					1		1						
5	Nhân viên thư viện														
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7	Nhân viên công nghệ thông tin														
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
9	Nhân viên phục vụ	02													
10	Nhân viên bảo vệ	02													

Quận 12, ngày 10 tháng 9 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12 T.P HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CHUYÊN BIỆT ÁNH DƯƠNG QUẬN 12

Lê Thị Hồng Hoa